

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 6 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Thánh;

2. Bà Võ Thị Hoa Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Số D- L, thành phố Đ), Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-ST ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyễn C, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Khu phố Đ, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần thị Hoàng M- Văn phòng L; địa chỉ: Số D- T, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Quang C1, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[I] Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nguyễn C (bà C), trình bày:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Bà C với ông Lê Quang C1 (ông C1) kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng không đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông C1 thường có những phát ngôn, hành động thiếu

chuẩn mực, trái đạo đức xã hội đối với bà C nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Mặc dù đã được hai bên nội ngoại khuyên nhủ nhưng vẫn không đạt được kết quả nên bà C đã bỏ con trở về sống chung với bố mẹ đẻ từ tháng 4/2025 cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng bà C, ông C1 đã bỏ mặc nhau mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình.

Bà C cho rằng tình cảm vợ chồng của Bà không thể hàn gắn được nên Bà mong muốn Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông C1.

(2) *Về con chung*: Theo bà C, vợ chồng Bà có 01 con chung, là cháu Lê Quang T, sinh ngày 21/6/2018.

Ly hôn bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang T; yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

(3) *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(4) Tại phiên tòa bà C thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: Bà C yêu cầu ông C1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng.

[III] *Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông C1, trình bày:*

Ông C1 thừa nhận nội dung trình bày của bà C về việc đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thực trạng tình cảm vợ chồng, con chung, là đúng. Tuy nhiên, ông C1 cho rằng những mâu thuẫn vợ chồng như bà C trình bày là nhỏ nhặt, chưa đến mức trầm trọng, Ông mong muốn được đoàn tụ để cháu Lê Quang T có được tình cảm của B, M1 và khi cháu lớn lên được hưởng chính sách đặc thù của lực lượng Công an nơi Ông đang công tác.

Trường hợp Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu yêu khởi kiện của bà C, thì Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Trường hợp bà C không đồng ý thì Ông xin được quyền nuôi con và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[III] *Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

(1) *Về tố tụng*:

- Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

(2) *Về nội dung vụ án*:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C với ông C1 là hợp pháp; Mâu thuẫn vợ chồng bà C, ông C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng cải thiện

nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

- Về con chung: Yêu cầu của bà C, là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C.

- Về tài sản chung: Bà C và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

(3) *Về án phí*: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông C1 và có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quang T. Ông C1 có địa chỉ tại Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

(1) Về quan hệ hôn nhân:

- Bà C và ông Chung kết H tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên hôn nhân giữa bà C và ông C1, là hợp pháp.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ để xác định: Từ tháng 4/2025 cho đến nay, bà C và ông C1 không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi bên tự lo toan cho cuộc sống của mình

- Tại phiên tòa, ông C1 mong muốn được đoàn tụ nhưng không phải tình cảm vợ chồng Ông vẫn còn mà Ông mong muốn đoàn tụ chỉ với mục đích: Con Ông có đủ tình thương của bố mẹ và khi cháu lớn lên được hưởng chính sách đặc thù của lực lượng Công an nơi Ông đang công tác.

Từ những nhận định trên, thấy: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà C, ông C1 đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho bà C được ly hôn ông C1.

(2) Về con chung: Bà C, ông C1 có 01 con chung là cháu Lê Quang T, sinh ngày 21/6/2018.

- Xét yêu cầu của bà C, ý kiến của ông C1, thấy: Bà C cũng như ông C1 hiện tại ai cũng có đủ các điều kiện cơ bản để nuôi dưỡng con chung khi được giao quyền.

Tuy nhiên, ông C1 hiện đang công tác trong lực lượng Công an nên thời gian dành cho cháu T có nhiều hạn chế so với bà C; bên cạnh đó, từ tháng 4/2025 đến nay, cháu T đều do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang sống ổn định cùng với bà C nên **cần giao cho bà C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T**.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo lời khai của ông C1 tại phiên tòa, thu nhập bình quân của Ông trên 20.000.000 đồng/tháng nên cần chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà C (3.000.000 đồng/tháng)

Về thời gian cấp dưỡng: Tính từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Thiên thành N và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

(3) Về tài sản chung: Bà C và ông C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[IV] Về án phí: Bà C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyên C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nguyên C được ly hôn ông Lê Quang C1 (*Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số: 185 do E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 15/11/2017, chấm dứt kể từ bản án này có hiệu lực pháp luật*).

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Nguyên C quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Quang T, sinh ngày 21/6/2018.

Ông Lê Quang C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thiên hàng tháng, với mức 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ ngày 25/6/2025 cho đến khi cháu Thiên thành N và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, ông Lê Quang C1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C1 thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nguyên C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo Biên lai số: 0000077 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà (Bà C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Ông Lê Quang C1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nguyên C, ông Lê Quang C1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

Trần Quốc Huy

